

ỦY BAN THƯỜNG VỤ
QUỐC HỘI
Số: 1/LCT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 18 tháng 1 năm 1961

PHÁP LỆNH

VỀ VIỆC BẦU CỬ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP

Căn cứ vào Hiến pháp nước Việt Nam dân chủ cộng hoà;

Để nhân dân sử dụng quyền làm chủ nước nhà và xây dựng cơ quan quyền lực Nhà nước của mình ở địa phương,

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định thể lệ bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp như sau:

CHƯƠNG I

NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 1

Việc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Điều 2

Công dân nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, không phân biệt dân tộc, nòi giống, nam nữ, thành phần xã hội, tôn giáo, tín ngưỡng, tình trạng tài sản, trình độ văn hoá, nghề nghiệp, thời hạn cư trú, từ 18 tuổi trở lên đều có quyền bầu cử và từ 21 tuổi trở lên đều có quyền ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

Điều 3

Công dân đang ở trong quân đội có quyền bầu cử và ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp theo điều 2 của pháp lệnh này.

Điều 4

Những người bị toà án hoặc pháp luật tước quyền bầu cử, ứng cử và những người mất trí không có quyền bầu cử và ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

Điều 5

Kinh phí về tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp do ngân sách Nhà nước chịu.

CHƯƠNG II

DANH SÁCH CỬ TRI

Điều 6

Lúc lập danh sách cử tri, những công dân có quyền bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp đều được ghi tên vào danh sách cử tri ở nơi cư trú.

Mỗi cử tri chỉ được ghi tên vào một danh sách cử tri.

Điều 7

Danh sách cử tri do các Ủy ban hành chính thị xã, khu phố, thị trấn, xã lập theo khu vực bỏ phiếu.

Danh sách cử tri ở các đơn vị quân đội và công an nhân dân vũ trang do các ban chỉ huy đơn vị quân đội và công an nhân dân vũ trang lập cho mỗi khu vực bỏ phiếu.

Điều 8

Chậm nhất là 30 ngày trước ngày bầu cử, phải niêm yết danh sách cử tri tại trụ sở các Ủy ban hành chính thị xã, khu phố, thị trấn, xã hoặc ở những nơi công cộng của khu vực bỏ phiếu. Đồng thời phải thông báo cho nhân dân biết việc niêm yết đó để nhân dân tham gia kiểm tra danh sách.

Điều 9

Khi kiểm tra danh sách cử tri, nếu thấy có sai lầm, thiếu sót thì trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày niêm yết, nhân dân có quyền khiếu nại hoặc báo cáo bằng giấy hay là bằng miệng với cơ quan lập danh sách. Cơ quan lập danh sách cử tri phải ghi vào một quyển sổ những điều khiếu nại và báo cáo. Trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại và báo cáo, cơ quan lập danh sách phải giải quyết.

Nếu người khiếu nại hoặc báo cáo chưa đồng ý về cách giải quyết đó, thì có quyền khiếu nại lên Toà án nhân dân huyện, châu, thị xã, khu phố hoặc thành phố. Trong

thời hạn 3 ngày kể từ ngày nhận được khiếu, các Toà án nhân dân nói trên phải giải quyết; quyết định của Toà án nhân dân là quyết định cuối cùng.

Điều 10

Từ khi công bố danh sách cử tri cho đến ngày bầu cử, nếu cử tri nào đổi nơi cư trú thì có quyền xin giấy chứng nhận của Ủy ban hành chính nơi cư trú để được ghi tên vào danh sách cử tri và tham gia bỏ phiếu nơi cư trú mới. Khi cấp giấy chứng nhận, Ủy ban hành chính phải ghi ngay vào danh sách cử tri bên cạnh tên người cử tri đó: "đi bỏ phiếu nơi khác".

CHƯƠNG III

SỐ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP

Điều 11

- Nay quy định số đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp như sau:

1. Hội đồng nhân dân thị trấn và xã.

Thị trấn và xã miền xuôi có từ 2.000 nhân khẩu trở xuống bầu cử 20 đại biểu; có trên 2.000 nhân khẩu, thì ngoài số 20 đại biểu tính cho 2.000 nhân khẩu đầu tiên, cứ thêm 200 nhân khẩu thì được bầu thêm 1 đại biểu, nhưng tổng số không được quá 35 đại biểu.

Thị trấn và xã miền núi và hải đảo có từ 700 nhân khẩu trở xuống bầu cử 20 đại biểu, có trên 700 nhân khẩu, thì ngoài số 20 đại biểu tính cho 700 nhân khẩu đầu tiên, cứ thêm từ 150 đến 200 nhân khẩu thì được bầu thêm 1 đại biểu, nhưng tổng số không được quá 35 đại biểu.

Các thị trấn và xã miền xuôi và miền núi có trên 6.000 nhân khẩu thì có thể bầu tới 40 đại biểu, nhưng số đại biểu thị trấn và xã không được nhiều hơn số đại biểu Hội đồng nhân dân cấp trên trực tiếp.

Các xã dưới 300 nhân khẩu có thể bầu dưới 20 đại biểu.

2. Hội đồng nhân dân khu phố.

Khu phố có từ 20.000 nhân khẩu trở xuống bầu cử 30 đại biểu; có trên 20.000 nhân khẩu, thì ngoài số 30 đại biểu tính cho 20.000 nhân khẩu đầu tiên, cứ thêm 2.500

nhân khẩu thì được bầu thêm 1 đại biểu, nhưng tổng số không được quá 50 đại biểu.

3. Hội đồng nhân dân thị xã.

Thị xã có từ 10.000 nhân khẩu trở xuống bầu cử 30 đại biểu; có trên 10.000 nhân khẩu, thì ngoài số 30 đại biểu tính cho 10.000 nhân khẩu đầu tiên, cứ thêm 1.500 nhân khẩu thì được bầu thêm 1 đại biểu, nhưng tổng số không được quá 50 đại biểu.

4. Hội đồng nhân dân huyện và châu.

Huyện miền xuôi có từ 50.000 nhân khẩu trở xuống bầu cử 35 đại biểu; có trên 50.000 nhân khẩu, thì ngoài số 35 đại biểu tính cho 50.000 nhân khẩu đầu tiên, cứ thêm 4.000 nhân khẩu thì được bầu thêm 1 đại biểu, nhưng tổng số nói chung không quá 50 đại biểu.

Châu và huyện miền núi và hải đảo có từ 10.000 nhân khẩu trở xuống bầu cử 30 đại biểu; có trên 10.000 nhân khẩu, thì ngoài số 30 đại biểu tính cho 10.000 nhân khẩu đầu tiên, cứ thêm từ 1.500 đến 20.000 nhân khẩu thì được bầu thêm 1 đại biểu, nhưng tổng số không được quá 50 đại biểu.

5. Hội đồng nhân dân tỉnh.

Tỉnh miền xuôi có từ 250.000 nhân khẩu trở xuống bầu cử 50 đại biểu; có trên 250.000 nhân khẩu, thì ngoài số 50 đại biểu tính cho 250.000 nhân khẩu đầu tiên, cứ thêm 20.000 nhân khẩu thì được bầu thêm 1 đại biểu, nhưng tổng số không được quá 120 đại biểu.

Tỉnh miền núi có từ 80.000 nhân khẩu trở xuống bầu cử 50 đại biểu; có trên 80.000 nhân khẩu, thì ngoài số 50 đại biểu tính cho 80.000 nhân khẩu đầu tiên, cứ thêm 10.000 nhân khẩu thì được bầu thêm 1 đại biểu, nhưng tổng số không được quá 120 đại biểu.

6. Hội đồng nhân dân thành phố.

Thành phố có từ 60.000 nhân khẩu trở xuống bầu cử 50 đại biểu; có trên 60.000 nhân khẩu, thì ngoài số 50 đại biểu tính cho 60.000 nhân khẩu đầu tiên, cứ thêm

10.000 nhân khẩu thì được bầu thêm 1 đại biểu, nhưng tổng số không được quá 140 đại biểu.

7. Hội đồng nhân dân khu tự trị.

Khu tự trị tùy theo tình hình dân số và dân tộc ở từng nơi, cứ từ 2.000 đến 10.000 nhân khẩu thì bầu cử 1 đại biểu, nhưng tổng số không được quá 150 đại biểu.

8. Hội đồng nhân dân khu Hồng Quảng và khu vực Vĩnh Linh.

Số đại biểu Hội đồng nhân dân khu Hồng Quảng quy định như đối với các thành phố.

Số đại biểu Hội đồng nhân dân khu vực Vĩnh Linh quy định như đối với các tỉnh miền xuôi.

Điều 12

Đối với các địa phương có nhiều dân tộc thiểu số sống xen kẽ, có các khu vực công nghiệp tập trung hoặc nông trường, để cho các dân tộc thiểu số và công nhân có số đại biểu thích đáng trong Hội đồng nhân dân, Chính phủ có thể châm chước các tỷ lệ nói trên trong phạm vi mức tối đa đã quy định.

CHƯƠNG IV

ĐƠN VỊ BẦU CỬ VÀ KHU VỰC BỎ PHIẾU

Điều 13

Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được bầu theo đơn vị bầu cử.

Đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã là thôn hay là liên xóm.

Đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thị trấn là đường phố hay là liên xóm.

Đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã là liên tiểu khu hay là liên xã (nếu có xã ngoại thị).

Đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân khu phố là tiểu khu hay là liên tiểu khu.

Đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân huyện, châu là xã hay là liên xã và thị trấn.

Đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh là huyện, thị xã và thành phố (nếu có thành phố thuộc tỉnh).

Đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố là khu phố ở nội thành và huyện ở ngoại thành.